

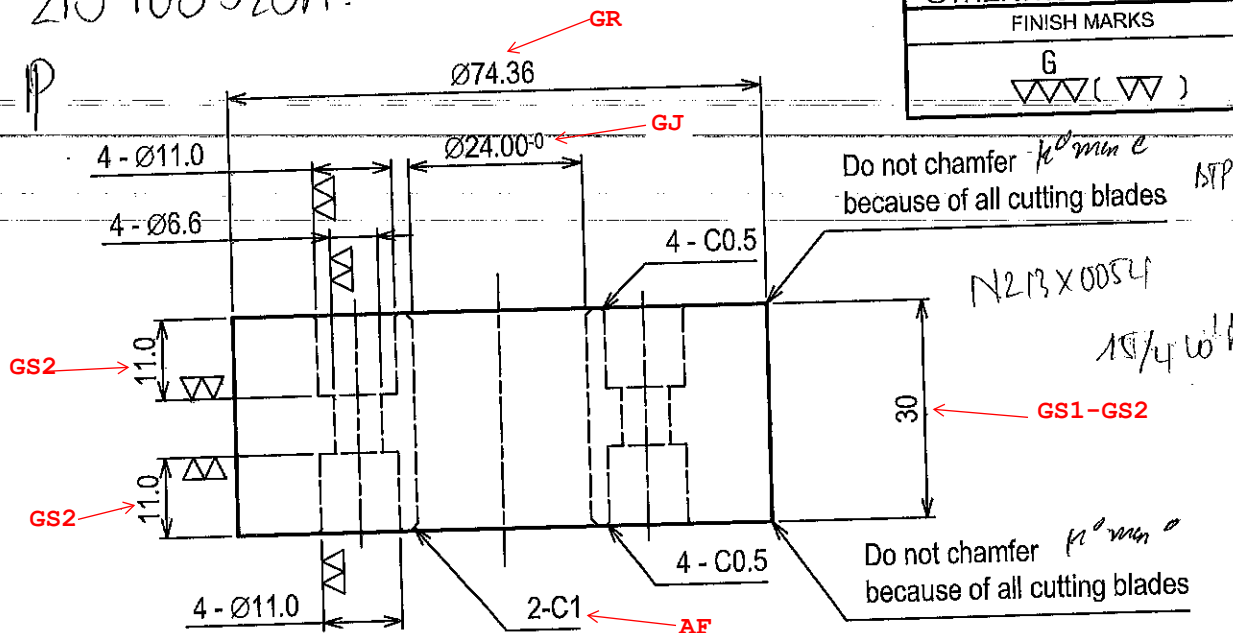
MV

5/26

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. NO.	DWN.	DSGND.	CHKD.
init.						
△						
△						
△						

CUTTING TOLERANCE			
0.0000	±0.002	0.000 +0	+0
0.000	±0.005	0.000 -0	-0.005
0.00	±0.01	0.00 +0	+0
0.0	±0.1	0.00 -0	-0.01
0.	±0.2	0.0 -0	-0.1
		0.0 +0	+0.1
		0.0 -0	-0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
FINISH MARKS			
G ▽▽ (▽▽)			

213 103 523A.

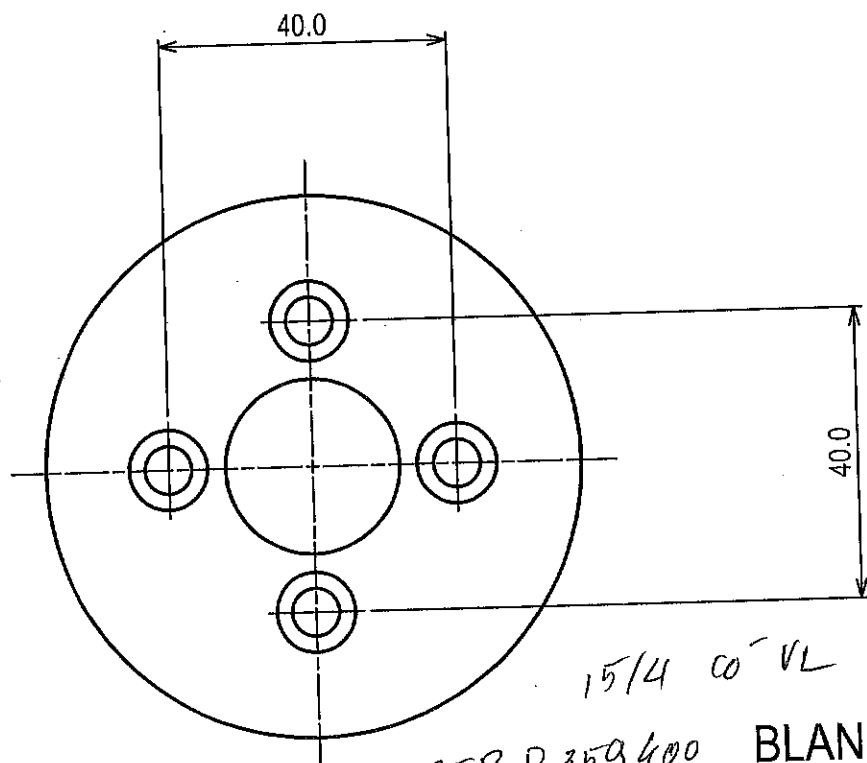


Do not chamfer μm because of all cutting blades BTP

N213X0054

15/4 w/hang

Do not chamfer μm because of all cutting blades



15/4 CO VL

BTP R359400 BLANK $\varnothing 74.5$

CHKD.	MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
Indei_Kazuhiro	WC(D30/HIP)	1:1	部品図 PART DRAWING	パンチ PUNCH
DSGND.	SURFACE	SIZE	部品図 部品圖	冲头 冲頭
Vakamura_Keita	QUENCH&TEMPER	A4V	DATE	DWG.No.
Vakamura_Keita	HRC ~	A4V	2020/02/20	R359400

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

414 . 1 03 02 33

SNO: R359400	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP R359400	GS:30 GR:90 GJ:250 GS2:60 AF:30 KT
2.THỜI GIAN GIA CÔNG GS: Lướt sáng 2 mặt => 30 phút/pc GR: -Ø74.360 =>ok => 90 phút/pc GJ: -Ø24.00 =>ok => 250 phút/pc GS2: -30.00 =>ok => 60 phút/pc AF: -8-C0.5=>ok => 30 phút/pc	